

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P01

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010001	BÙI PHƯƠNG ANH	22/10/2010	Nữ	10A1	
2	35010002	LÊ THỊ VÀNG ANH	14/12/2010	Nữ	10A1	
3	35010003	VÕ HOÀI BẢO	29/05/2010	Nam	10A1	
4	35010004	LÊ TẤN CHUÔNG	15/10/2010	Nam	10A1	
5	35010005	NGUYỄN HUỲNH THUÝ DIỄM	07/10/2010	Nữ	10A2	
6	35010006	NGUYỄN THỊ THU DIỆU	01/01/2010	Nữ	10A2	
7	35010007	NGUYỄN TÀI DŨNG	09/01/2010	Nam	10A2	
8	35010008	NGUYỄN MINH HẰNG	10/03/2010	Nữ	10A2	
9	35010009	LÊ GIA HÂN	27/06/2010	Nữ	10A1	
10	35010010	LÊ HUỲNH GIA HÂN	25/01/2010	Nữ	10A2	
11	35010011	NGUYỄN THỊ HIẾU	11/06/2010	Nữ	10A1	
12	35010012	NGUYỄN MINH HOÀI	05/04/2010	Nam	10A2	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P02

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010013	NGUYỄN PHI HÙNG	09/01/2010	Nam	10A1	
2	35010014	NGUYỄN ĐỨC HUY	14/12/2010	Nam	10A2	
3	35010015	NGUYỄN VÕ NHẤT HUY	13/07/2010	Nam	10A1	
4	35010016	HỒ VIỆT HUYNH	05/11/2010	Nam	10A1	
5	35010017	NGUYỄN TÀI HÙNG	14/10/2010	Nam	10A2	
6	35010018	PHẠM TÔ VIỆT HÙNG	03/10/2010	Nam	10A2	
7	35010019	VŨ THỊ QUỲNH HƯƠNG	18/02/2010	Nữ	10A2	
8	35010020	NGUYỄN DUY HỮU	20/06/2010	Nam	10A1	
9	35010021	LÊ TẤN KHẢI	25/09/2010	Nam	10A1	
10	35010022	TRƯƠNG QUANG KHẢI	01/01/2010	Nam	10A1	
11	35010023	CAO NGUYỄN KHANG	24/08/2010	Nam	10A2	
12	35010024	NGUYỄN PHÚ KHÁNH	13/01/2010	Nam	10A1	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P03

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010025	NGUYỄN ĐẮC KHIÊM	30/10/2010	Nam	10A1	
2	35010026	LÊ ĐĂNG KHÔI	02/08/2010	Nam	10A1	
3	35010027	TRẦN VIỆT KHUÊ	20/07/2010	Nam	10A2	
4	35010028	NGUYỄN NGỌC DIỄM KIEU	11/02/2010	Nữ	10A1	
5	35010029	NGUYỄN THỊ TRÀ LY	03/02/2010	Nữ	10A2	
6	35010030	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	23/11/2010	Nữ	10A1	
7	35010031	BÙI NGUYỄN HIỀN MY	05/07/2010	Nữ	10A2	
8	35010032	VÕ NGỌC TRÀ MY	22/10/2010	Nữ	10A2	
9	35010033	NGUYỄN DUY NAM	15/03/2010	Nam	10A1	
10	35010034	NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN	29/01/2010	Nữ	10A1	
11	35010035	TRẦN THỊ HOÀNG NGÂN	08/03/2010	Nữ	10A2	
12	35010036	NGUYỄN THỊ TUỜNG NGUYỄN	11/06/2010	Nữ	10A2	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P04

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010037	NGUYỄN TÀI NHÂN	06/09/2010	Nam	10A1	
2	35010038	PHẠM VĂN BÁ NHẬT	20/03/2010	Nam	10A2	
3	35010039	ĐẶNG THỊ DIỄM NHƯ	06/04/2010	Nữ	10A1	
4	35010040	HỒ THỊ MỸ NƯƠNG	19/09/2010	Nữ	10A1	
5	35010041	NGUYỄN THỊ KHÁNH PHỤNG	23/04/2010	Nữ	10A1	
6	35010042	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	10/02/2010	Nam	10A1	
7	35010043	KIỀU THỊ PHƯƠNG QUÝ	30/11/2010	Nữ	10A1	
8	35010044	NGUYỄN NGỌC QUÝ	25/01/2010	Nam	10A1	
9	35010045	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	07/04/2010	Nữ	10A1	
10	35010046	HỒ THỊ NHƯ QUỲNH	11/02/2010	Nữ	10A1	
11	35010047	NGUYỄN HOÀNG SƠN	10/03/2010	Nam	10A1	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P05

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010048	NGÔ ĐẶNG THI SỸ	06/01/2010	Nam	10A2	
2	35010049	TIÊU THỊ NHƯ TÀI	17/03/2010	Nữ	10A1	
3	35010050	PHẠM ANH TÂM	13/05/2010	Nam	10A1	
4	35010051	NGUYỄN NGỌC TÂN	16/02/2010	Nam	10A1	
5	35010052	DƯƠNG HÙNG THANH	10/10/2010	Nam	10A2	
6	35010053	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	26/07/2010	Nữ	10A2	
7	35010054	NGUYỄN NGỌC THUẬN	05/04/2010	Nam	10A2	
8	35010055	LÊ THỊ NGUYỄN THÙY	05/07/2010	Nữ	10A2	
9	35010056	NGUYỄN PHẠM THANH THÙY	25/08/2010	Nữ	10A2	
10	35010057	PHẠM THỊ THU THỦY	15/05/2010	Nữ	10A2	
11	35010058	PHẠM BÙI ANH THU	18/05/2010	Nữ	10A2	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P06

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010059	PHẠM THANH TIỀN	13/04/2010	Nam	10A1	
2	35010060	PHÙNG NGUYỄN NAM TRIỀU	14/09/2010	Nam	10A1	
3	35010061	VÕ THANH TRỰC	04/11/2010	Nam	10A1	
4	35010062	LÊ TẤN TRƯỜNG	31/05/2010	Nam	10A2	
5	35010063	NGUYỄN HOÀNG ANH TÚ	25/05/2010	Nam	10A1	
6	35010064	NGUYỄN LÊ THANH TÚ	27/08/2010	Nam	10A2	
7	35010065	NGUYỄN HOÀI BẢO UYÊN	26/03/2010	Nữ	10A2	
8	35010066	NGUYỄN VINH	15/10/2010	Nam	10A2	
9	35010067	NGUYỄN THỊ TUỜNG VY	21/07/2010	Nữ	10A2	
10	35010068	BÙI THỊ THU YẾN	27/09/2010	Nữ	10A2	
11	35010069	NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	10/05/2010	Nữ	10A1	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P07

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010070	NGUYỄN GIA AN	10/03/2010	Nam	10A4	
2	35010071	LÊ ĐỨC ANH	01/01/2010	Nam	10A3	
3	35010072	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	08/08/2010	Nữ	10A6	
4	35010073	PHAN ĐÌNH TRÂM ANH	31/12/2010	Nữ	10A3	
5	35010074	TRẦN ĐĂNG ANH	27/09/2010	Nam	10A4	
6	35010075	LÊ NGUYỄN HOÀNG THANH BẢO	29/09/2010	Nam	10A6	
7	35010076	NGUYỄN QUỐC BẢO	29/09/2010	Nam	10A4	
8	35010077	TRẦN NGỌC BẢO	02/08/2010	Nam	10A6	
9	35010078	BÙI THANH BÌNH	19/02/2010	Nam	10A4	
10	35010079	PHẠM THÁI BÌNH	08/05/2010	Nam	10A6	
11	35010080	ĐẶNG THỊ KIM CHI	01/09/2010	Nữ	10A5	
12	35010081	HỒ HOÀNG YẾN CHI	01/10/2010	Nữ	10A6	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P08

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010082	HUỖNH LÊ BẢO CHI	26/05/2010	Nữ	10A6	
2	35010083	NGUYỄN THỊ KIM CHI	04/04/2010	Nữ	10A4	
3	35010084	HỒ XUÂN CÔNG	17/03/2010	Nam	10A4	
4	35010085	LÊ VĂN CÔNG	02/09/2010	Nam	10A4	
5	35010086	PHÙ NGUYỄN CHÍ CÔNG	29/07/2010	Nam	10A5	
6	35010087	LÊ NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	25/02/2010	Nam	10A6	
7	35010088	NGUYỄN DUY CƯỜNG	28/03/2010	Nam	10A4	
8	35010089	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	30/03/2010	Nữ	10A3	
9	35010090	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	07/03/2010	Nữ	10A6	
10	35010091	HỒ THỊ KIM DUNG	18/01/2010	Nữ	10A5	
11	35010092	DƯƠNG HÀ PHƯỚC DUY	03/12/2010	Nam	10A6	
12	35010093	ĐẶNG NỮ THÙY DƯƠNG	06/06/2010	Nữ	10A6	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P09

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010094	LÝ THÁI DƯƠNG	07/09/2010	Nam	10A4	
2	35010095	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	25/07/2010	Nữ	10A5	
3	35010096	VÕ THÀNH DƯƠNG	29/07/2010	Nam	10A3	
4	35010097	KIỀU CÔNG ĐẠT	01/10/2010	Nam	10A6	
5	35010098	LÊ HỮU ĐẠT	06/06/2010	Nam	10A3	
6	35010099	LÊ TẤN ĐẠT	28/12/2010	Nam	10A6	
7	35010100	NGUYỄN TÀI ĐẠT	03/01/2010	Nam	10A5	
8	35010101	PHẠM TIẾN ĐẠT	31/01/2010	Nam	10A3	
9	35010102	LÊ VĂN NHẬT ĐĂNG	04/08/2010	Nam	10A4	
10	35010103	NGUYỄN NHẬT PHÚ ĐÔNG	21/01/2010	Nam	10A3	
11	35010104	NGUYỄN TÀI ĐỨC	20/08/2010	Nam	10A4	
12	35010105	VŨ ĐỖ HƯƠNG GIANG	26/02/2010	Nữ	10A4	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P10

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010106	PHẠM THANH HÀ	11/03/2010	Nam	10A4	
2	35010107	VÕ THỊ MINH HẰNG	17/05/2010	Nữ	10A3	
3	35010108	NGUYỄN THỊ DIỆU HÂN	12/07/2010	Nữ	10A3	
4	35010109	LÊ QUANG HẬU	20/03/2010	Nam	10A4	
5	35010110	LÊ NGUYỄN XUÂN HIỀN	05/06/2010	Nữ	10A6	
6	35010111	NGUYỄN HUY HOÀNG	26/04/2010	Nam	10A4	
7	35010112	PHAN THANH HÙNG	30/01/2010	Nam	10A3	
8	35010113	HUỲNH HOÀNG HUY	21/11/2010	Nam	10A5	
9	35010114	NGÔ QUANG HUY	16/02/2010	Nam	10A3	
10	35010115	PHẠM GIA HUYNH	20/08/2010	Nam	10A3	
11	35010116	LÊ THÀNH HÙNG	12/02/2010	Nam	10A5	
12	35010117	NGUYỄN DUY HÙNG	30/08/2010	Nam	10A4	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P11

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010118	NGUYỄN HUỲNH NAM HÙNG	09/01/2010	Nam	10A6	
2	35010119	NGUYỄN VIỆT HÙNG	05/04/2010	Nam	10A3	
3	35010120	PHẠM VÕ CÔNG HÙNG	13/09/2010	Nam	10A5	
4	35010121	NGÔ PHẠM MINH HY	21/09/2010	Nữ	10A3	
5	35010122	ĐỖ ĐÌNH KHANG	09/04/2010	Nam	10A6	
6	35010123	LÊ GIA KHÁNH	01/06/2010	Nam	10A5	
7	35010124	NGUYỄN BẢO KHIẾT	29/12/2010	Nam	10A5	
8	35010125	ĐẶNG MINH KHOA	21/09/2010	Nam	10A5	
9	35010126	HUỲNH ĐĂNG KHOA	20/10/2010	Nam	10A4	
10	35010127	LÊ TẤN KHOA	02/02/2010	Nam	10A6	
11	35010128	PHẠM ĐĂNG KHOA	26/03/2010	Nam	10A4	
12	35010129	LÊ NGUYỄN KHÔI	10/04/2010	Nam	10A5	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P12

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010130	TRƯƠNG ĐẶNG BẢO KHUYÊN	09/09/2010	Nữ	10A4	
2	35010131	PHẠM TRẦN TRUNG KIÊN	18/02/2010	Nam	10A6	
3	35010132	NGUYỄN ĐỨC KIỆT	06/07/2010	Nam	10A3	
4	35010133	NGUYỄN VĂN KIỆT	05/12/2010	Nam	10A3	
5	35010134	TÔ ANH KIỆT	19/07/2010	Nam	10A6	
6	35010135	VÕ ĐÌNH KIỆT	21/09/2010	Nam	10A5	
7	35010136	VÕ PHAN MINH KIỆT	15/08/2010	Nam	10A6	
8	35010137	ĐẶNG THANH LAI	25/08/2010	Nam	10A4	
9	35010138	THẠCH THỊ KIM LINH	23/05/2010	Nữ	10A3	
10	35010139	THÔNG MỸ LINH	13/07/2010	Nữ	10A6	
11	35010140	ĐẶNG HOÀNG THIÊN LONG	08/05/2010	Nam	10A6	
12	35010141	ĐOÀN CÔNG LỘC	08/03/2010	Nam	10A5	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P13

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010142	NGUYỄN VĂN LỰC	07/10/2010	Nam	10A6	
2	35010143	PHẠM DUY MẠNH	20/05/2010	Nam	10A4	
3	35010144	ĐOÀN LÊ HỒNG MINH	04/01/2010	Nam	10A6	
4	35010145	TRẦN NGUYỄN BÌNH MINH	21/09/2010	Nam	10A3	
5	35010146	HUỲNH NGUYỄN HƯƠNG MƠ	22/03/2010	Nữ	10A5	
6	35010147	NGUYỄN PHẠM KIỀU MY	27/12/2010	Nữ	10A6	
7	35010148	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	08/01/2010	Nữ	10A4	
8	35010149	NGUYỄN VŨ QUỐC NAM	20/03/2010	Nam	10A5	
9	35010150	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	19/07/2010	Nữ	10A4	
10	35010151	TIÊU THỊ MỸ NGÀ	18/01/2010	Nữ	10A6	
11	35010152	ĐOÀN THỊ KIM NGÂN	02/09/2010	Nữ	10A4	
12	35010153	LÊ THỊ KIM NGÂN	23/08/2010	Nữ	10A4	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P14

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010154	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	17/05/2010	Nữ	10A5	
2	35010155	PHẠM NGỌC KIM NGÂN	25/08/2010	Nữ	10A6	
3	35010156	PHẠM CHÁNH NGUYỄN	26/08/2010	Nam	10A3	
4	35010157	VÕ LÊ NHẬT NGUYỄN	08/09/2010	Nam	10A3	
5	35010158	NGUYỄN HUỖNH NHÂN	21/10/2010	Nam	10A6	
6	35010159	NGUYỄN NHÂN	14/05/2010	Nam	10A3	
7	35010160	HÀ ANH NHẬT	27/07/2010	Nam	10A4	
8	35010161	LÊ THÁI NHẬT	06/11/2010	Nam	10A3	
9	35010162	NGUYỄN TRUNG NHẬT	24/02/2010	Nam	10A3	
10	35010163	VÕ HỒNG NHẬT	15/10/2010	Nam	10A5	
11	35010164	HUỖNH NHÃ NHI	13/12/2010	Nữ	10A3	
12	35010165	NGUYỄN ĐẶNG YẾN NHI	25/10/2010	Nữ	10A3	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P15

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010166	NGUYỄN NGỌC THIÊN NHI	20/08/2010	Nữ	10A6	
2	35010167	ĐOÀN PHẠM QUỲNH NHƯ	01/04/2010	Nữ	10A5	
3	35010168	HỒ QUỲNH NHƯ	14/06/2010	Nữ	10A6	
4	35010169	PHẠM THỊ BẢO NHƯ	23/01/2010	Nữ	10A3	
5	35010170	NGUYỄN THỊ THANH NHƯỘC	20/02/2010	Nữ	10A5	
6	35010171	LÂM ANH PHÁT	11/09/2010	Nam	10A6	
7	35010172	ĐOÀN THỊ PHI PHI	04/02/2010	Nữ	10A5	
8	35010173	PHAN HOÀNG PHONG	01/03/2010	Nam	10A3	
9	35010174	VÕ DUY PHÔNG	29/05/2010	Nam	10A4	
10	35010175	TRƯƠNG HUỲNH PHÚ	30/04/2010	Nam	10A6	
11	35010176	PHẠM HỒNG PHÚC	01/02/2010	Nam	10A5	
12	35010177	PHẠM VĂN PHÚC	02/07/2010	Nam	10A6	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P16

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010178	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	16/03/2010	Nữ	10A5	
2	35010179	NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG	04/10/2010	Nữ	10A5	
3	35010180	TRẦN VĂN QUÂN	20/05/2010	Nam	10A5	
4	35010181	BÙI LỆ QUYÊN	25/06/2010	Nữ	10A3	
5	35010182	HỒ DIỄM QUYÊN	10/03/2010	Nữ	10A4	
6	35010183	HUỲNH NGỌC BẢO QUYÊN	24/03/2010	Nữ	10A5	
7	35010184	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	17/11/2010	Nữ	10A5	
8	35010185	HOÀNG TRÚC DIỄM QUỲNH	28/11/2010	Nữ	10A4	
9	35010186	HỒ NHƯ QUỲNH	12/08/2010	Nữ	10A4	
10	35010187	LÊ VŨ NHƯ QUỲNH	28/03/2010	Nữ	10A4	
11	35010188	NGUYỄN LÊ NHƯ QUỲNH	27/08/2010	Nữ	10A5	
12	35010189	LÊ THỊ KIỀU SEN	29/04/2010	Nữ	10A3	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P17

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010190	LÊ VĂN SƠN	11/02/2010	Nam	10A4	
2	35010191	PHÙNG NGỌC KHÁNH SƯƠNG	21/09/2010	Nữ	10A4	
3	35010192	ĐỒNG TRINH TÀI	21/07/2010	Nam	10A5	
4	35010193	LÊ TRẦN THANH THANH	13/04/2010	Nữ	10A4	
5	35010194	NGUYỄN THỊ THANH THANH	24/11/2010	Nữ	10A3	
6	35010195	NGUYỄN VĂN THÀNH	30/12/2010	Nam	10A6	
7	35010196	LÊ DUY THỐNG	09/10/2010	Nam	10A4	
8	35010197	LÊ QUANG THUẬN	28/07/2010	Nam	10A3	
9	35010198	NGUYỄN THỊ MỸ THÙY	04/06/2010	Nữ	10A6	
10	35010199	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	23/04/2010	Nữ	10A6	
11	35010200	HỒ ANH THU	11/01/2010	Nữ	10A6	
12	35010201	LÊ NGUYỄN ANH THU	23/02/2010	Nữ	10A4	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P18

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010202	LÊ THỊ ANH THU'	15/06/2010	Nữ	10A5	
2	35010203	NGUYỄN ANH THU'	01/01/2010	Nữ	10A5	
3	35010204	VÕ MINH THU'	22/07/2010	Nữ	10A4	
4	35010205	ĐỖ HUỲNH THUY TIÊN	17/05/2010	Nữ	10A3	
5	35010206	NGUYỄN THỊ HỒNG TIÊN	02/05/2010	Nữ	10A4	
6	35010207	NGUYỄN THỊ CẨM TIẾN	12/11/2010	Nữ	10A3	
7	35010208	NGUYỄN VŨ MINH TIẾN	02/05/2010	Nam	10A4	
8	35010209	NGÔ THỊ ÁNH TRÀ	28/01/2010	Nữ	10A4	
9	35010210	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	24/07/2010	Nữ	10A4	
10	35010211	PHẠM THỊ THU TRANG	10/01/2010	Nữ	10A6	
11	35010212	HUỲNH THỊ NHẬT TRÂM	27/10/2010	Nữ	10A6	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P19

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010213	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	03/12/2010	Nữ	10A6	
2	35010214	NGUYỄN MINH TRÍ	19/02/2010	Nam	10A6	
3	35010215	VÕ NHƯ TRÍ	25/05/2010	Nam	10A3	
4	35010216	MAI HOÀNG TRIÊM	03/02/2010	Nam	10A4	
5	35010217	HUỲNH ANH TRIẾT	29/11/2010	Nam	10A5	
6	35010218	VÕ DUY TRIỀU	14/01/2010	Nam	10A3	
7	35010219	LÊ THỊ KIỀU TRINH	31/08/2010	Nữ	10A5	
8	35010220	ĐẶNG NGUYỄN ÁNH TRÚC	14/02/2010	Nữ	10A6	
9	35010221	NGUYỄN ANH TUẤN	18/07/2010	Nam	10A5	
10	35010222	CHÂU THỊ THANH TUYỀN	30/09/2010	Nữ	10A6	
11	35010223	KHÁU NGUYỄN KHẮC TƯỜNG	12/05/2010	Nam	10A5	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P20

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010224	PHẠM NGUYỄN NGỌC UYÊN	01/01/2010	Nữ	10A5	
2	35010225	ĐOÀN THỊ HỒNG VÂN	22/08/2010	Nữ	10A5	
3	35010226	TRẦN TUỜNG VI	14/09/2010	Nữ	10A4	
4	35010227	VÕ NGỌC VIỆT	26/04/2010	Nam	10A5	
5	35010228	LÊ QUANG VINH	14/11/2010	Nam	10A5	
6	35010229	VŨ NGỌC VƯƠNG	14/06/2010	Nam	10A3	
7	35010230	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG VY	03/03/2010	Nữ	10A5	
8	35010231	HUỲNH ĐẶNG THẢO VY	16/01/2010	Nữ	10A3	
9	35010232	PHẠM VỸ	31/07/2010	Nam	10A5	
10	35010233	NGUYỄN THỊ PHƯỚC XUÂN	18/04/2010	Nữ	10A4	
11	35010234	NGÔ THỊ NHƯ Ý	26/06/2010	Nữ	10A5	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P21

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010235	LÊ THỊ THUỖ ANH	01/05/2010	Nữ	10A9	
2	35010236	NGÔ LINH ANH	24/07/2010	Nữ	10A8	
3	35010237	NGUYỄN THỊ KIM ANH	09/02/2010	Nữ	10A7	
4	35010238	NGUYỄN THỊ MỸ ANH	15/01/2010	Nữ	10A9	
5	35010239	VÕ SANG ANH	20/11/2010	Nữ	10A9	
6	35010240	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	09/04/2010	Nữ	10A7	
7	35010241	PHẠM NGUYỄN TRI ÂN	17/06/2010	Nam	10A10	
8	35010242	TRƯƠNG THỊ THIÊN ÂN	29/01/2010	Nữ	10A9	
9	35010243	NGUYỄN ÁNH BẢO	25/10/2010	Nữ	10A10	
10	35010244	NGÔ NGUYỄN SƠN CA	30/05/2010	Nữ	10A10	
11	35010245	LÊ HUỖNH BẢO CHÂU	29/04/2010	Nữ	10A10	
12	35010246	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	13/01/2010	Nữ	10A7	
13	35010247	TRẦN THỊ BẢO CHÂU	09/11/2010	Nữ	10A8	
14	35010248	TRẦN THỊ BẢO CHÂU	06/01/2010	Nữ	10A7	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P22

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010249	TRƯƠNG NGỌC SONG CHÂU	13/09/2010	Nữ	10A8	
2	35010250	ĐẶNG THÙY CHI	08/11/2010	Nữ	10A9	
3	35010251	VÕ THỊ KIM CHI	18/07/2010	Nữ	10A7	
4	35010252	NGUYỄN VĂN THIỆN CHÍ	12/07/2010	Nam	10A7	
5	35010253	NGUYỄN HUY CHƯƠNG	27/10/2010	Nam	10A8	
6	35010254	NGUYỄN THỊ HOÀNG DIỄM	08/10/2010	Nữ	10A10	
7	35010255	NGUYỄN THANH DUY	12/12/2009	Nam	10A10	
8	35010256	NGUYỄN THỊ KIỀU DUYÊN	24/05/2010	Nữ	10A10	
9	35010257	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	23/07/2010	Nữ	10A7	
10	35010258	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	29/10/2010	Nữ	10A7	
11	35010259	LÊ MAI ÁNH DƯƠNG	12/05/2010	Nữ	10A10	
12	35010260	PHẠM CÔNG ĐẠT	08/01/2010	Nam	10A9	
13	35010261	TRẦN QUỐC ĐẠT	20/10/2010	Nam	10A10	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P23

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010262	ĐOÀN MINH ĐỨC	20/04/2010	Nam	10A9	
2	35010263	NGUYỄN HÀ GIANG	04/08/2010	Nữ	10A7	
3	35010264	NGUYỄN QUỲNH GIANG	03/10/2010	Nữ	10A10	
4	35010265	PHẠM NGỌC THU GIANG	24/01/2010	Nữ	10A7	
5	35010266	NGUYỄN HOÀNG HẢI	09/12/2010	Nam	10A9	
6	35010267	HUỲNH ĐẶNG GIA HÂN	20/02/2010	Nữ	10A7	
7	35010268	HUỲNH NGỌC BẢO HÂN	10/09/2010	Nữ	10A8	
8	35010269	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	20/06/2010	Nữ	10A9	
9	35010270	NGUYỄN PHẠM HOÀI HÂN	01/01/2010	Nữ	10A7	
10	35010271	HỒ THỊ KIM HẬU	18/02/2010	Nữ	10A8	
11	35010272	LÊ PHẠM TẤN HẬU	27/07/2010	Nam	10A8	
12	35010273	NGUYỄN HUY HOÀNG	10/08/2010	Nam	10A10	
13	35010274	TRẦN THANH HOÀNG	01/05/2010	Nam	10A9	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P24

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010275	LÊ LÂM HUY	31/01/2009	Nam	10A10	
2	35010276	NGUYỄN ĐỨC HUY	25/06/2010	Nam	10A10	
3	35010277	TRẦN LÊ QUỐC HUY	18/03/2010	Nam	10A8	
4	35010278	PHAN NGUYỄN MINH HUYỀN	26/10/2010	Nữ	10A10	
5	35010279	NGUYỄN TẤN HÙNG	17/01/2010	Nam	10A10	
6	35010280	VÕ NGUYỄN HÙNG	14/10/2010	Nam	10A10	
7	35010281	LÊ VÕ NGUYỄN KHANG	04/12/2010	Nam	10A8	
8	35010282	HUỲNH QUỐC KHOA	31/03/2010	Nam	10A10	
9	35010283	NGUYỄN ĐOÀN ANH KHOA	20/09/2010	Nam	10A9	
10	35010284	NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG KHOA	06/12/2010	Nam	10A8	
11	35010285	NGUYỄN MINH KHOA	20/07/2010	Nam	10A10	
12	35010286	CHÂU BẢO KHUYÊN	19/10/2010	Nữ	10A9	
13	35010287	LÊ BẢO KHUYÊN	02/08/2010	Nữ	10A10	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P25

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010288	QUÁCH THỊ MỸ KHUYÊN	01/03/2010	Nữ	10A7	
2	35010289	ĐỖ ANH KIỆT	26/09/2010	Nam	10A9	
3	35010290	ĐẶNG VÕ KIỀU LINH	11/06/2010	Nữ	10A7	
4	35010291	ĐỖ THỊ THÙY LINH	06/01/2010	Nữ	10A7	
5	35010292	ĐOÀN THỊ NGỌC LOAN	24/04/2010	Nữ	10A10	
6	35010293	PHAN NGUYỄN THÚY LUYỆN	14/02/2010	Nữ	10A9	
7	35010294	NGÔ BẢO KHÁNH LY	14/06/2010	Nữ	10A9	
8	35010295	HUỲNH THÙY MI	31/07/2010	Nữ	10A9	
9	35010296	Trần Nhật Minh	18/03/2010	Nam	10A10	
10	35010297	TRẦN THỊ KIỀU MY	19/03/2010	Nữ	10A8	
11	35010298	ĐOÀN LÊ LY NA	14/12/2010	Nữ	10A8	
12	35010299	LÊ THỊ NI NA	23/06/2010	Nữ	10A7	
13	35010300	NGUYỄN HOÀNG BẢO NAM	01/03/2010	Nam	10A7	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P26

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010301	BÙI THU NGÂN	31/07/2010	Nữ	10A7	
2	35010302	HUỖNH THỊ KIM NGÂN	19/08/2010	Nữ	10A10	
3	35010303	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	18/08/2010	Nữ	10A7	
4	35010304	PHAN THU NGÂN	31/03/2010	Nữ	10A7	
5	35010305	BÙI THIỀU THANH NGHỊ	27/04/2010	Nữ	10A9	
6	35010306	BÙI NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	22/07/2010	Nam	10A9	
7	35010307	PHÙNG TRỌNG NGHĨA	24/04/2010	Nam	10A7	
8	35010308	HUỖNH SỞ NGHIÊM	19/02/2010	Nam	10A9	
9	35010309	HỒ THỊ NGỌC	17/03/2010	Nữ	10A9	
10	35010310	ĐẶNG NGUYỄN THẢO NGUYÊN	18/04/2010	Nữ	10A7	
11	35010311	ĐẶNG THANH PHƯƠNG NGUYÊN	15/04/2009	Nữ	10A8	
12	35010312	NGUYỄN THÀNH NGUYÊN	27/08/2010	Nam	10A9	
13	35010313	NGUYỄN DUY NHẬT	17/05/2010	Nam	10A7	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P27

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010314	PHẠM DUY NHẬT	08/05/2010	Nam	10A10	
2	35010315	NGUYỄN HUỲNH YẾN NHI	28/05/2010	Nữ	10A7	
3	35010316	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	23/03/2010	Nữ	10A9	
4	35010317	TRẦN ĐỖ UYÊN NHI	13/12/2010	Nữ	10A7	
5	35010318	NGUYỄN TRẦN HỒNG NHIÊN	22/03/2010	Nam	10A9	
6	35010319	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	06/06/2010	Nữ	10A7	
7	35010320	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH NHƯ	28/04/2010	Nữ	10A8	
8	35010321	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	21/10/2010	Nữ	10A10	
9	35010322	TRẦN THỊ THANH NHƯ	01/01/2010	Nữ	10A9	
10	35010323	LÊ ĐỖ HOÀI NY	15/04/2010	Nữ	10A9	
11	35010324	LÊ TẤN PHÁT	02/05/2010	Nam	10A8	
12	35010325	LÊ TẤN PHÁT	02/01/2010	Nam	10A10	
13	35010326	NGUYỄN HOÀNG NHẬT PHI	05/05/2010	Nam	10A9	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P28

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010327	KIỀU NHẬT PHONG	21/10/2010	Nam	10A9	
2	35010328	PHẠM HỒNG PHONG	08/04/2010	Nam	10A10	
3	35010329	TRƯƠNG HOÀI PHƯƠNG	23/04/2010	Nữ	10A8	
4	35010330	NGUYỄN TIẾN QUANG	02/07/2010	Nam	10A9	
5	35010331	TRỊNH MINH QUẢNG	09/02/2010	Nam	10A9	
6	35010332	NGUYỄN HUỲNH THỰC QUYÊN	13/11/2010	Nữ	10A8	
7	35010333	HUỲNH THỊ TRÚC QUỲNH	11/01/2010	Nữ	10A8	
8	35010334	NGUYỄN THỊ NHƯ' QUỲNH	05/10/2010	Nữ	10A10	
9	35010335	NGUYỄN THỊ TRÚC QUỲNH	30/06/2010	Nữ	10A7	
10	35010336	TRƯƠNG HOÀNG SA	18/02/2010	Nữ	10A9	
11	35010337	ĐẶNG BÌNH SƠN	11/02/2010	Nam	10A7	
12	35010338	VÕ PHẠM HOÀNG SƠN	25/05/2010	Nam	10A9	
13	35010339	NGUYỄN BÙI TẤN TÀI	25/04/2010	Nam	10A8	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P29

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010340	NGUYỄN THÀNH LONG THÁI	08/04/2010	Nam	10A8	
2	35010341	TRẦN HUỖNH PHƯƠNG THANH	13/10/2010	Nữ	10A7	
3	35010342	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	26/11/2010	Nữ	10A7	
4	35010343	TRẦN BÙI LINH THẢO	25/04/2010	Nữ	10A10	
5	35010344	NGUYỄN GIA THỊNH	01/12/2010	Nam	10A7	
6	35010345	HUỖNH THỊ THU THUY	24/03/2010	Nữ	10A10	
7	35010346	BÙI ANH THU	19/06/2010	Nữ	10A7	
8	35010347	DƯƠNG ANH THU	18/11/2010	Nữ	10A9	
9	35010348	ĐOÀN NGUYỄN THIÊN THU	02/12/2010	Nữ	10A10	
10	35010349	LÊ ANH THU	10/06/2010	Nữ	10A10	
11	35010350	NGÔ HOÀI THƯƠNG	27/01/2010	Nữ	10A8	
12	35010351	NGUYỄN DIỆU THY	28/06/2010	Nữ	10A7	
13	35010352	HỒ HOÀNG TIÊN	31/01/2010	Nam	10A8	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P30

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010353	LÊ HOÀNG ANH TIẾN	31/08/2010	Nam	10A9	
2	35010354	NGUYỄN THỊ HOÀNG TRANG	03/06/2010	Nữ	10A10	
3	35010355	NGUYỄN THỊ HUỲNH TRANG	07/02/2010	Nữ	10A8	
4	35010356	ĐẶNG THỊ MỸ TRÂM	27/08/2010	Nữ	10A8	
5	35010357	HỒ BẢO TRÂM	21/04/2010	Nữ	10A8	
6	35010358	TRẦN THỊ HẠ TRÂM	21/04/2010	Nữ	10A9	
7	35010359	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÍ	05/06/2010	Nam	10A8	
8	35010360	NGUYỄN THANH TRUYẾT	05/01/2010	Nam	10A9	
9	35010361	HOÀNG THANH TRƯỜNG	02/05/2010	Nam	10A7	
10	35010362	HUỲNH ANH TUẤN	21/05/2010	Nam	10A8	
11	35010363	NGUYỄN ANH TUẤN	27/10/2010	Nam	10A8	
12	35010364	NGUYỄN ANH TUẤN	21/04/2010	Nam	10A7	
13	35010365	ỪNG THỊ THANH TUYỀN	26/09/2010	Nữ	10A8	

Kiểm tra HK1

Năm học: 2025-2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

Phòng thi : P31

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	35010366	NGUYỄN DŨ TƯỜNG	10/10/2010	Nam	10A10	
2	35010367	NGUYỄN PHẠM THỰC UYÊN	10/09/2010	Nữ	10A9	
3	35010368	NGUYỄN THỊ KIM UYÊN	27/03/2010	Nữ	10A8	
4	35010369	VÕ THỰC UYÊN	26/01/2010	Nữ	10A7	
5	35010370	ĐINH HOÀNG ANH VIỆT	10/04/2010	Nam	10A10	
6	35010371	PHẠM TIẾN VŨ	19/01/2010	Nam	10A10	
7	35010372	CAO THỊ HÀ VY	13/08/2010	Nữ	10A9	
8	35010373	ĐÀO HÀN VY	13/12/2010	Nữ	10A8	
9	35010374	LÊ THỊ HỒNG VY	31/07/2010	Nữ	10A8	
10	35010375	NGUYỄN HOÀNG LÊ VY	19/02/2010	Nữ	10A9	
11	35010376	NGUYỄN THỊ HẠ VY	02/07/2010	Nữ	10A7	
12	35010377	PHAN NGUYỄN PHƯƠNG VY	20/10/2010	Nữ	10A10	
13	35010378	NGUYỄN HẢI YẾN	28/07/2010	Nữ	10A7	